

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VIỆT- NGA: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

Ths. Phạm Quỳnh Hương
Đại học Ngoại thương

Việt Nam và Liên bang Nga đã có mối quan hệ hợp tác về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục truyền thống lâu đời dựa trên cơ sở kế thừa quan hệ Việt-Xô. Sự kiện Liên Xô tan rã đã kéo theo sự đổ vỡ của hàng loạt nghị định thư đã được ký kết giữa hai chính phủ Việt Nam và Liên Xô. Liên bang Nga với tư cách một quốc gia độc lập, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế đã có những thay đổi căn bản trong quan hệ thương mại quốc tế nói chung và trong quan hệ thương mại với Việt Nam nói riêng. Từ chỗ hợp tác, tương trợ với các cơ chế ưu tiên, ưu đãi là chủ yếu, nay đã chuyển sang hợp tác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và theo cơ chế thị trường. Bài viết này sẽ trình bày các sự kiện và các hiệp định đã được ký kết giữa hai nước tạo cơ sở nền tảng pháp lý, thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nga từ năm 2000 đến năm 2008 và triển vọng phát triển mối quan hệ thương mại song phương.

1. Cơ sở pháp lý phát triển mối quan hệ thương mại Việt-Nga trong giai đoạn mới

Nền tảng của quan hệ thương mại Việt Nam – LB Nga là quan hệ hợp tác thương mại giữa Việt Nam và Liên Xô cũ được mở đầu bằng Hiệp định Kinh tế - Thương mại ký ngày 18 tháng 7 năm 1955. Quan hệ trao đổi hàng hóa song phương, cùng với các hoạt động viện trợ, đầu tư từ Liên Xô sang Việt Nam từ đó ngày càng được củng cố và mở rộng trên cơ sở hàng loạt các hiệp định và nghị định thư được ký kết giữa chính phủ hai nước, đặc biệt là Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Xô – Việt ngày 3 tháng 11 năm 1978 và Chương trình hợp tác Kinh tế thương mại và Khoa học kỹ thuật dài hạn được ký tại Hà Nội ngày 30 tháng 10 năm 1983. Quan hệ thương mại giữa hai nước trong suốt thời kỳ từ khi hai nước có quan hệ đến khi Liên Xô tan rã được điều tiết bằng các hiệp định thương mại và nghị định thư được ký kết hàng năm. Sự kiện Liên Xô tan rã đã kéo theo sự đổ vỡ của hàng loạt nghị định thư đã được ký kết giữa hai chính phủ Việt Nam và Liên Xô. Liên bang Nga với tư cách một quốc gia độc lập, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, đã có những thay đổi căn bản trong quan hệ thương mại quốc tế nói chung

và trong quan hệ thương mại với Việt Nam nói riêng.

Trong giai đoạn mới của hợp tác song phương, chính phủ hai nước đã ký kết nhiều hiệp định về thương mại và hiệp định có liên quan đến hoạt động thương mại, đầu tư. Những thay đổi mới trong quan hệ Việt - Nga nói chung và quan hệ thương mại nói riêng được đánh dấu bằng sự kiện Vladimira Putin đặc cử Tổng thống Liên bang Nga vào năm 2000 và bắt đầu tiến hành mạnh mẽ đường lối cân bằng Đông - Tây trong quan hệ đối ngoại, ưu tiên hợp tác với các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình dương, trong đó có các bạn hàng ở Đông Nam Á. Mở đầu là chuyến thăm chính thức Liên bang Nga của Thủ tướng Phan Văn Khải vào tháng 9 năm 2000. Trong chuyến thăm này, một loạt hiệp định đã được ký kết, tạo cơ sở pháp lý cho việc mở rộng hợp tác song phương, trong đó hai hiệp định có ý nghĩa lớn trong việc tháo gỡ và mở rộng quan hệ thương mại là: Hiệp định thỏa thuận về Hợp tác giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Kinh tế đối ngoại LB Nga, mở ra những thuận lợi cho khâu thanh toán, vốn là một trong những khó khăn hàng đầu cần tháo gỡ trong hoạt động thương mại giữa hai nước và Hiệp định về Xử lý nợ giữa Việt Nam và LB Nga, người kế thừa hợp pháp và đầy đủ của Liên Xô cũ trước đây, đã quy định số nợ được giảm và sẽ trả dần trong 23 năm. Phần lớn số nợ này (90%) được sử dụng để mua hàng hóa, đầu tư, chi phí cho

các dịch vụ khác của LB Nga tại Việt Nam và được chuyển đổi nợ theo thông lệ. Ngoài ra, phía LB Nga còn đồng ý dành 0,25% số lãi hàng năm trong số nợ phải trả để viện trợ không hoàn lại cho việc đào tạo sinh viên Việt Nam tại LB Nga. Như vậy, việc giải quyết nợ của Việt Nam đối với LB Nga không chỉ đơn thuần dừng lại ở hoạt động trả nợ và hoạt động tài chính tiền tệ, mà còn tạo điều kiện để tăng kim ngạch buôn bán giữa hai nước bằng việc xuất khẩu trả nợ mỗi năm khoảng 70 triệu USD¹

Sau chuyến thăm của Thủ tướng Nga Mikhail Fradkov tháng 2/2006, lần thứ hai Tổng thống Nga có chuyến thăm chính thức Việt Nam vào ngày 18/11/2006 sau Hội nghị lãnh đạo kinh tế APÉC 14. Tuyên bố chung Việt Nam - LB Nga chú trọng đặc biệt đến vấn đề phát triển hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, ưu tiên tiếp tục thúc đẩy việc phối hợp trong lĩnh vực năng lượng - nhiên liệu, trong đó có việc phối hợp thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam, LB Nga và các nước thứ ba. Chuyến thăm chính thức Nga của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tháng 9/2007 có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy triển khai các thỏa thuận cấp cao đã đạt được, trong đó có việc thực hiện "Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên nhằm thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga năm 2008". Hai nước đã ký Nghị định thư bổ sung Hiệp định về Xí nghiệp liên doanh

¹ Thời báo kinh tế Việt Nam, ngày 2/3/2001, tr.23.

Vietsopetro cho phép liên doanh mở rộng khu vực hoạt động sang Nga và nước thứ ba.

Trong năm 2008, bên cạnh việc tiếp tục khẳng định mở rộng hơn nữa hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư trên cơ sở lâu dài, vấn đề tạo cơ sở pháp lý cho người lao động tại hai nước được quan tâm trong giai đoạn này. Từ ngày 26 đến 29/10, đại diện hai chính phủ đã ký chính thức ba hiệp định: Hiệp định Nhận trở lại công dân, Hiệp định hợp tác Phòng chống di cư bất hợp pháp và Hiệp định Hợp tác lao động nhằm tạo cơ sở và khuôn khổ pháp lý giải quyết tổng thể vấn đề di trú, lao động, kinh doanh của công dân Việt Nam tại LB Nga cũng như của công dân Nga tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước.

Các sự kiện và hiệp định liên quan đến hoạt động thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và LB Nga đóng vai trò nền tảng pháp lý và cũng là nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển quan hệ thương mại hai nước trong những năm gần đây.

2. Thực trạng quan hệ thương mại giữa hai nước từ năm 2000 trở lại đây

2.1. Kim ngạch xuất nhập khẩu

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Nga có xu hướng tăng liên tục qua các năm, tuy nhiên mức độ tăng không đồng đều, cá biệt có hai năm 2003 và 2006 kim ngạch xuất nhập khẩu lại giảm so với năm trước. Lần đầu tiên kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt mức cao nhất vào

năm 2008 và đạt 1.641 tỷ USD.² Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và LB Nga giai đoạn này tăng lên là nhờ sự tăng nhanh của kim ngạch nhập khẩu hàng hóa, trong khi kim ngạch xuất khẩu cũng có xu hướng tăng và có mức tăng trưởng đáng kể từ năm 2005 đến 2007 nhưng chưa ổn định.

Tốc độ tăng bình quân của kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước cả giai đoạn từ 2000 đến 2008 là 21,44%/năm, cao hơn gần gấp hai lần so với giai đoạn trước (1992-1999) (11,6%)³. Như vậy, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa song phương về giá trị tuyệt đối và tương đối đều tăng nhanh và cao hơn nhiều so với giai đoạn trước. Từ cuối năm 2008 và đầu năm 2009, kim ngạch trao đổi hàng hoá giữa hai nước đã giảm 23,6% so với cùng kỳ năm 2008, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Nga giảm hơn 28% và nhập khẩu từ Nga giảm hơn 21%. Một trong những nguyên nhân suy giảm mạnh như vậy là do từ ngày 20 tháng 12 năm 2008, Nga áp dụng lệnh cấm nhập thuy, hai sản của Việt Nam, đồng thời nhập khẩu từ Nga vào Việt Nam giảm mạnh do lượng tồn kho phân bón và sắt thép trong nước quá cao. Từ tháng 2 năm 2009 trở lại đây, trao đổi thương mại giữa hai nước đã có dấu hiệu khởi sắc. Tổng kim ngạch trao đổi hàng hoá giữa hai nước trong 3 tháng đầu năm 2009 đạt 331 triệu USD.⁴

² Nguồn: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Tổng cục Hải quan.

³ Tài liệu đã dẫn

⁴ Tạp chí Ngoại thương số 17 năm 2009, tr. 9

**Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Nga
giai đoạn 2000 – 2008**

Năm	Kim ngạch XNK (tỷ USD)	Tăng so với năm trước (%)	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
			Kim ngạch (tỷ USD)	Tỷ lệ (%)	Kim ngạch (tỷ USD)	Tỷ lệ (%)
2000	0.363	+ 2,7	0.1225	34	0.2405	66
2001	0.5712	+ 57,3	0.1944	34	0.3768	66
2002	0.6876	+ 20,4	0.187	27	0.5006	73
2003	0.6512	- 5,3	0.1594	24	0.4918	76
2004	0.8873	+ 36,2	0.2161	24	0.6712	76
2005	1.04	+ 17,2	0.25182	24,21	0.78818	75,79
2006	0.85	- 18,26	0.3942	46,37	0.4558	53,63
2007	1.4	+ 64,7	0.8478	60,56	0.5522	39,44
2008	1.641	+ 17,21	0.671	40,89	0.970	59,11

Nguồn: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Tổng cục Hải quan

Xét trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang LB Nga rất nhỏ bé, chỉ chiếm khoảng trên dưới 1%, cao nhất là 1,74% năm 2007 và thấp nhất là gần 0,8% năm 2003 và năm 2005. Như vậy, nếu so sánh với giai đoạn 1992 – 1999 (trung bình là 2,6%), tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang LB Nga trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam giai đoạn này giảm đáng kể. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nga tăng bình quân trên 10%/năm, tuy nhiên mức độ tăng qua các năm thiếu ổn định và không đồng đều, năm 2007 kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao nhất từ trước đến nay, đạt 847.8 triệu USD.

Cùng với kim ngạch ngoại thương giai đoạn này, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Nga có xu hướng tăng qua các năm với nhịp độ tăng bình quân là 40%. Trong cơ cấu ngoại thương giữa Việt Nam

và Nga giai đoạn này, Việt Nam vẫn thiên về nhập khẩu hàng hóa là chủ yếu, tỷ trọng nhập khẩu trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam với Nga có xu hướng tăng từ 66% năm 2000 và 2001 đến 73% năm 2002, tiếp tục tăng đến mức cao nhất là 76% liên tục qua các năm 2003, 2004 và 2005, trung bình cả giai đoạn là 69,2%. Từ năm 2006, tỷ lệ nhập siêu mới giảm đi đáng kể xuống còn 53,63%, mức thấp nhất là vào năm 2007 với tỷ lệ 39,44%; tuy nhiên năm 2008 lại có xu hướng tăng gần 60%.⁵

Mặc dù kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Nga có chiều hướng gia tăng, nhưng tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu từ Nga trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn rất thấp, chỉ chiếm trung bình 2%/năm, năm thấp nhất là 0,88% (năm

⁵ *Nguồn: Trung tâm Tin học và Thống kê Hải quan – Tổng cục Hải quan.*

2007). cao nhất là 2,54% (năm 2002), từ năm 2003 đến năm 2005 trung bình là 2%, năm 2006 là 1,01% và năm 2008 là 1,2%. Có thể thấy thị trường LB Nga không còn là thị

trường nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam như trước đây. Việt Nam đang tiến tới cân bằng cán cân thương mại trong quan hệ thương mại với Nga.

Bảng 2 : Tỷ trọng xuất, nhập khẩu hàng hóa với thị trường Nga trong tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2000 – 2008

Năm	KNXK cả nước (tỷ USD)	KNXK sang Nga (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	KNNK cả nước (tỷ USD)	KNNK từ Nga (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)
2000	14.455	0.1225	0,85	15.639	0.2405	1,54
2001	15.0273	0.1944	1,29	16.1623	0.3768	2,33
2002	16.7058	0.187	1,12	19.733	0.5006	2,54
2003	20.176	0.1594	0,79	25.2269	0.4918	1,95
2004	26.5033	0.2161	0,82	31.9539	0.6712	2,10
2005	32.223	0.25182	0,78	36.881	0.78818	2,13
2006	39.6	0.3942	0,99	44.891	0.4558	1,01
2007	48.5614	0.8478	1,74	62.6822	0.5522	0,88
2008	62.7	0.671	1,07	80.7	0.970	1,20

Nguồn: Trung tâm Tin học và Thống kê Hải quan – Tổng cục Hải quan

2.2. Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu

Trong cơ cấu mặt hàng nhập khẩu năm 2000, nhập khẩu hàng hóa từ LB Nga xếp thứ 14 trong 36 nước nhập khẩu chính về Việt Nam, và năm 2003 nhập khẩu từ LB Nga xếp thứ 11 trong tổng số 41 nước. Trong đó, một số mặt hàng thiết yếu vẫn được nhập khẩu chủ yếu từ LB Nga như sắt, thép, ô tô nguyên chiếc, phân bón các loại, máy móc, thiết bị, phụ tùng..., một số mặt hàng khác có tỷ trọng nhập khẩu từ LB Nga thấp như xe

máy hay xăng dầu các loại. Từ năm 2006, việc nhập khẩu từ LB Nga một số mặt hàng như phân bón, xăng dầu, máy, thiết bị, ô tô... đã giảm dần là do có sự cạnh tranh của những mặt hàng này từ Trung Quốc và một số thị trường lân cận như: Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc... Nhưng nhìn chung, hàng hóa nhập khẩu từ LB Nga đa phần vẫn đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và tiêu dùng trong nước với giá cả hợp lý. Như vậy, nếu nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Nga,

Việt Nam cũng vẫn thỏa mãn được nhu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu, trên cơ sở đó tạo lập được các mối quan hệ đối tác gần bó để gắn nhập khẩu với xuất khẩu hàng hóa, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Nga.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Nga vẫn chủ yếu là hàng nông, thủy sản và công nghiệp nhẹ, trong đó nhóm hàng nông sản tăng ổn định (rau quả, hạt điều, cà phê, gạo, thủy sản đông lạnh và sấy khô, hàng dệt may, giày dép). Đặc biệt, thủy hải sản tăng nhanh, từ 60 triệu USD năm 2005 đến 160 triệu USD năm 2006.

Nhưng bên cạnh đó, một số mặt hàng nông sản lại không xuất khẩu được, hoặc xuất khẩu được rất ít như thịt chế biến, máy tính và linh kiện điện tử, hay một số hàng hóa có hàm lượng công nghệ và chất xám cao.

Trong vài năm gần đây, Việt Nam đã xuất khẩu sang LB Nga một số mặt hàng mới và một số mặt hàng có kim ngạch tương đối cao, như mặt hàng đường tinh luyện, xe đạp và phụ tùng xe đạp, đồ chơi trẻ em, dầu mỡ động thực vật, túi xách, ví, balô, ô dù, sản phẩm gốm sứ, máy tính và linh kiện điện tử,... góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

Bảng 3: Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Nga tháng 5 và 5 tháng năm 2008

	Mặt hàng	ĐVT	Tháng 5/2008		5 tháng 2008	
			Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
1	Hàng hải sản	USD		12.904.965		67.988.321
2	Hàng rau quả	USD		4.424.873		17.357.279
3	Hạt điều	Tấn	666	3.773.448	2.875	13.871.710
4	Cà phê	Tấn	2.634	6.097.439	8.907	18.070.073
5	Chè	Tấn	585	782.274	4.343	5.237.019
6	Hạt tiêu	Tấn	387	1.339.180	1.806	6.327.208
7	Gạo	Tấn	3.535	2.433.326	27.303	13.835.748
8	Mỳ ăn liền	USD		1.448.871		10.775.662
9	Sp chất dẻo	USD		1.387.779		3.350.063
10	Cao su	Tấn	229	661.360	4.334	12.049.358

11	Túi xách, ví, vali, mũ & ô dù	USD		759.359		2.541.861
12	Sp mây tre, cối & thảm	USD		318.952		1.097.221
13	Gỗ & sản phẩm gỗ	USD		178.892		1.593.935
14	Sản phẩm gốm sứ	USD		225.359		958.789
15	Hàng dệt may	USD		8.025.560		24.628.444
16	Giày dép các loại	USD		7.262.573		16.294.328
17	Máy vi tính, sản phẩm điện tử	USD		53.000		640.278
18	Dây điện và cáp điện	USD				507.494
19	Xe đạp và phụ tùng	USD				925.293
20	Đồ chơi trẻ em	USD		51.967		201.106
				54.741.148		233.856.088

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

2.3. Đánh giá chung

Mặc dù kim ngạch ngoại thương của Việt Nam và LB Nga đều tăng lên hàng năm, đồng thời kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước cũng có xu hướng tăng dần, nhưng tỷ trọng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của mỗi quốc gia còn rất thấp và ít thay đổi theo xu hướng tăng lên, nguyên nhân là do chưa có sự chuyển dịch tích cực trong cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam. Về cơ bản, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở dạng thô, hàm lượng công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp, chất lượng chưa

cao, bao bì mẫu mã chưa phù hợp và chưa thực sự hấp dẫn khách hàng, hình thức xuất nhập khẩu còn giản đơn. Việc trao đổi buôn bán hàng hóa với LB Nga phần nhiều do các tư thương, doanh nghiệp tư nhân của người Việt định cư tại LB Nga thực hiện bằng con đường buôn bán nhỏ lẻ, thiếu tổ chức và liên kết với nhau theo một chiến lược hay định hướng kinh doanh nhất định. Nhìn chung, các doanh nghiệp Việt Nam chưa có chiến lược và quyết tâm kinh doanh lâu dài tại thị trường LB Nga. Các doanh nghiệp Việt Nam

còn thiếu kinh nghiệm thương trường, năng lực kinh doanh, khả năng thâm nhập thị trường và các kênh phân phối ở nước sở tại còn yếu. Môi trường kinh doanh tại LB Nga vẫn còn thiếu tính ổn định và có nhiều khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Các văn bản pháp lý thiếu tính minh bạch và khó dự đoán. Ngoài ra, Nga còn duy trì khá nhiều rào cản thương mại như: thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng cao, đặc biệt thuế đánh vào hàng tiêu dùng trung bình từ 20% - 30% trị giá kèm theo mức thuế tối thiểu áp dụng cho một số mặt hàng; các quy định của luật pháp LB Nga đối với hàng hóa nhập khẩu vào rất chặt chẽ, chẳng hạn như hàng hóa nhập khẩu vào LB Nga cần có "chứng nhận chất lượng hàng hóa và dịch vụ", hoặc "giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn LB Nga" và các quy định của luật bảo vệ người tiêu dùng...; nhiều đối thủ cạnh tranh nặng ký với Việt Nam đã nhanh chân hơn trong việc thâm nhập thị trường LB Nga như Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan.... đặc biệt là Trung Quốc. Nhiều hãng kinh doanh lớn đã xây dựng được mạng lưới cung cấp và tiêu thụ hàng hóa với chất lượng cao, sức cạnh tranh lớn ở LB Nga. làm cho khả năng "chen chân" của hàng Việt Nam vào các kênh phân phối sở tại bị hạn chế.

Về phía Việt Nam, tuy đặt ra mục tiêu khôi phục và phát triển quan hệ thương mại quốc tế, trong đó có quan hệ với LB Nga nhưng chưa thực sự chú trọng đến việc xây dựng chiến lược, chính sách cụ thể cũng như định ra những bước đi thích hợp để khôi

phục và mở rộng quan hệ thương mại giữa hai nước nhằm khai thác thị trường rộng lớn và đầy tiềm năng này.

Nhà nước chưa có sự hỗ trợ cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam để thâm nhập và tham gia cạnh tranh ở các thị trường ngoài nước cả về thông tin, tài chính, xúc tiến thương mại, đào tạo nhân lực và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh quốc tế. Việc trao đổi, buôn bán hàng hóa với LB Nga chưa được tổ chức và quản lý cũng như hỗ trợ thỏa đáng.

Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường ngoài nước mặc dù đã được chú trọng hơn trước, nhưng còn nhiều hạn chế, bất cập, chủ yếu các doanh nghiệp vẫn phải tự lo nên hiệu quả chưa cao. Chính vì các nguyên nhân đó nên quan hệ thương mại Việt Nam - LB Nga còn chậm phát triển, chưa tương xứng với mối quan hệ kinh tế, thương mại đã có trong lịch sử, với tiềm năng và mong muốn của cả hai nước.

3. Những thuận lợi và triển vọng phát triển mối quan hệ thương mại song phương giữa hai nước

Những kết quả đạt được trong quan hệ thương mại giữa hai nước chủ yếu là do nền kinh tế Nga đã tương đối ổn định, môi trường kinh doanh được cải thiện. Doanh nghiệp hai nước, đặc biệt là các doanh nghiệp Việt Nam, đã phần nào thích nghi với điều kiện và môi trường kinh doanh mới. Trong giai đoạn này, sản xuất hàng hóa ở cả hai nước đều phát triển hơn so với giai đoạn

trước, nhờ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu thị hiếu của thị trường.

Hiện nay chúng ta cũng có nhiều thuận lợi trong việc phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước do chính phủ LB Nga đã quan tâm đến củng cố và phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt đối với những nước châu Á. Nga coi Việt Nam là đối tác chiến lược trong khu vực Đông Nam Á và cả hai nước đã có sự thông hiểu nhất định về nhau. Nga đang hoàn thiện hệ thống điều tiết các hoạt động kinh tế đối ngoại theo hướng tự do hóa các hoạt động kinh tế đối ngoại, đầu tư, tài chính tiền tệ, đơn giản hóa các thủ tục hải quan. Bên cạnh đó, Nga đang tiếp tục hoàn thiện các biện pháp nhằm hài hòa các điều khoản của luật pháp Nga với các tiêu chí và thông lệ của WTO. Các quy định và rào cản của Nga đối với hàng nhập khẩu không nghiêm ngặt như ở thị trường các nước phát triển khác.

Về phía Việt Nam: Môi trường chính trị, kinh tế, xã hội ổn định; nền kinh tế đang trên đà phát triển; quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu đã gia tăng nhu cầu về phát triển quan hệ thương mại với các nước. Những cải cách và điều chỉnh của Việt Nam để tương thích và phù hợp với các quy định của WTO đã khiến cho thị trường Việt Nam có nhiều cơ hội cho hàng hóa và doanh nghiệp nước ngoài. Ngoài ra, doanh nghiệp Việt Nam đã trưởng thành một bước quan trọng trong đời mới và cạnh tranh, có được lợi thế của người đi sau nên có nền tảng để phát triển nhanh.

Trong quan hệ với LB Nga, hai nước đã tạo cho nhau những điều kiện thuận lợi nhất định. Hai bên đã trao cho nhau quy chế tối huệ quốc. Nga trao cho Việt Nam những ưu đãi về thuế dành cho nước đang phát triển theo hệ thống GSP với mức thuế thấp hơn thuế cơ sở là 25%. Về phía mình, Việt Nam không áp dụng những biện pháp hạn chế đặc biệt nào đối với hàng hoá nhập khẩu từ Nga.

Thị trường Nga là một trong những thị trường tiêu thụ hàng hoá lớn trên thế giới. Quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại Việt-Nga trong thời gian qua có bước phát triển tích cực. Dự đoán trao đổi thương mại hai chiều giữa hai nước năm 2010 sẽ vẫn tăng trưởng cao mặc dù khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới có tác động.

Qua sự phân tích cơ sở hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga, thực trạng cũng như các khó khăn thuận lợi cho sự hợp tác giữa hai bên có thể vạch ra các triển vọng phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời gian tới như sau:

Về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, hiện tại thị trường Nga đang rất cần những hàng hoá như cao su, chè, cà phê, tiêu, điều, gạo, thủy-hải sản, rau quả tươi và chế biến, giày dép, may mặc, đồ gia dụng... Ngoài ra còn có một số mặt hàng có triển vọng xuất khẩu tốt như đồ gia dụng, thuốc đông - nam dược... Hiện nay, Nga là thị trường bán lẻ lớn thứ 20 trên thế giới, trong đó bán lẻ là ngành có tốc độ tăng nhanh nhất trong các ngành kinh tế của Nga. Thị trường may mặc và giày dép ở Nga đến nay vẫn còn

tương đối "mở". Đây có thể xem là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp nước ngoài, trong đó có Việt Nam. Tháng 4 năm 2009, Nga đã quyết định mở lại thị trường cho cá tra và cá basa xuất khẩu của Việt Nam sau 4 tháng tạm dừng (từ 20 tháng 12 năm 2008 do sản phẩm của Việt Nam không đảm bảo chất lượng). Đây cũng là một tin vui và cơ hội tốt cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần phải đặc biệt chú trọng khâu vệ sinh an toàn và kiểm định chất lượng sản phẩm.

Trong cơ cấu mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam thì sắt thép (kể cả sắt thép phế liệu) và dầu mỏ vẫn là hai mặt hàng nhập khẩu chủ lực từ Nga. Đặc biệt, các khu vực của vùng Viễn Đông Nga như Khabarov và Primorie hoàn toàn đủ khả năng cung cấp cho Việt Nam toàn bộ nhu cầu phôi thép, thép thành phẩm các loại và sắt thép phế liệu (khoảng 7-10 triệu tấn/năm và giá cả hợp lý). Ngoài ra có 3 khu vực của Viễn Đông là Khabarov, Sakhalin, Kamchatca có thể cung cấp dầu thô trong tương lai đối với công nghiệp lọc dầu của Việt Nam.

Quan hệ thương mại Việt Nam và LB Nga được kế thừa quan hệ thương mại Việt Nam - Liên Xô suốt 38 năm. Ngày nay, mối quan hệ này đang phát triển trong điều kiện mỗi nước đều xây dựng nền kinh tế chuyên đổi theo kinh tế thị trường, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế,

chính phủ hai nước nên xem xét, đàm phán, ký kết hiệp định tự do hoá giữa hai bên (FTA), tạo khuôn khổ pháp lý cho trao đổi thương mại giữa hai bên, cũng như tận dụng được lợi thế so sánh giữa hai nước, đưa hợp tác thương mại lên một tầm cao mới.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hoàng Giáp (2007), *Một số vấn đề về cách tiếp cận quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Liên bang Nga*, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Hà Nội.
2. Bùi Huy Khoát (1995), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga: Hiện trạng và triển vọng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Quang Thuần (2006), *Quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - Liên bang Nga trong bối cảnh quốc tế mới*, Viện Nghiên cứu Châu Âu, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Thuần (2007), *Hướng tới quan hệ hợp tác toàn diện Nga - ASEAN trong những năm thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Tạp chí Ngoại thương, số 30 năm 2009, tr.8-10.
6. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 4, năm 2009, tr.40.
7. <http://expert.ru>
8. <http://www.bulletin.vnu.edu.vn/ttsk/Vietnamese/C2088/2007/11/N19889/?35>